

## **7. Anh linh thánh Gióng.**

Trên đã thuật về mười một vị có cấp bộ cao nhất tử trận. Kế tiếp là hai mươi bốn vị ở cấp trung, nhưng chết rất oai hùng. Đó là: *Long-biên ngũ hùng* và *Tây-hồ thất kiệt*, gồm mười hai vị, cộng mười hai phu nhân là hai mươi bốn vị.

Long-biên ngũ hùng có tên Phạm Dật, Vũ-Quang, Đinh Hoàng-Nghi, Lý Đoan, Trần Ninh.

Tây-hồ thất kiệt có tên Trần Di, Dương Minh, Triệu Thu, Mai Cầm, Quách Y, Ngô Úc, Tạ Duy.

Sáu tướng, năm phu nhân trên trong sử có nói đến, tôi không cần nhắc lại nữa. Ở đây tôi xin chép tiểu chuyện của 12 tướng có xuất thân rất đặc biệt: Ăn mày, ăn trộm, móc túi, thế rồi nhờ lòng yêu nước mà trở thành anh hùng. Mười hai tướng đó, được vua Lý Thánh-tông phong cho mỹ hiệu là Long-biên ngũ hùng và Tây-hồ thất kiệt.

### **7.1. Long-biên ngũ hùng.**

Long-biên ngũ hùng là năm đại tướng quân thời vua Lý Thánh-tông, Lý Nhân-tông. Năm vị có tên là Phạm Dật, Vũ Quang, Đinh Hoàng-Nghi, Lý Đoan, Trần Ninh.

Long-biên ngũ hùng đều xuất thân từ chùa Từ-quang ở làng Thổ-lội, huyện Gia-lâm, lộ Kinh-Bắc, ngày nay là xã Phú-thị, huyện Gia-lâm, Hà-nội. Năm vị đều là con mồ côi, được sư Viên-Chiếu đem về nuôi dạy. Cả năm đều chịu nhiều thăng trầm thời thơ ấu với Linh-Nhân hoàng thái hậu (*Tức Ý-Lan thân phi nữ danh Yến-Loan*); được bà nhận làm em nuôi. Sau cả năm được Khai-Quốc vương thu làm đệ tử. Năm vị học văn, luyện võ đều thành. Năm vị thu nhận một số thiếu niên đồng tuổi, rồi luyện võ, dạy bắn cung cho họ, lập thành đội Thần-tiến Long-biên khoảng 500 người. Mỗi tráng sĩ trong đội Thần-tiến đều có thể bắn trúng chim đang bay. Vua Thánh-tông ban cho năm vị mỹ hiệu là Long-biên ngũ hùng.

Năm 1069, Long-biên ngũ hùng mang đội Thần-tiến từng chinh đánh Chiêm, được đặt dưới quyền chỉ-huy của Trung-Thành vương Lý Hoảng-Chân.

Trong trận đánh Vọng-hương có hai thiếu nữ Việt-kiều tên Lê Kim-Loan, Võ Kim-Liên cảm tài đức, kết bạn với năm ngài, xin theo trong quân làm thông dịch và dẫn đạo. Kim-Loan kết bạn thanh mai trúc nhã với Phạm Dật; Kim-Liên với Vũ Quang.

Sau chiến thắng Vọng-hương, Vọng-giang, Tư-dung, Long-biên ngũ hùng được lệnh trợ chiến cho Tín-Nghĩa vương Lý Chiêu-Văn ở mặt trận Nam-giới. Trong trận đánh Bố-chánh, năm ngài gặp thêm hai thiếu nữ Việt-kiều tên Trần Ngọc-Liên, Trần Ngọc-Hương kết bạn, xin theo trong quân làm thông dịch viên và dẫn đường. Ngọc-Liên kết bạn thanh mai trúc nhã với Lý Đoan; Ngọc-Hương với Trần Ninh. Riêng Đinh Hoàng-Nghi gặp một thiếu nữ Chăm là tù nhân, tên Câu-thi Lị-ha-thân Bài-ma-la Nang Chang-Lan (Sri Varman Nangchanglan). Suốt trận chiến, Long-biên ngũ hùng cùng bốn người bạn gái lập

đại công trong trận Vọng-hương, Vọng-giang, Tư-dung, Ma-linh, Địa-lý, Nam-giới, Nhật-lệ, Đồ-bàn, Phong-sa-trang.

Chiến thắng trở về, Ý-Lan thân-phi làm lễ cưới cho Long-biên tứ hùng với bốn thiếu nữ. Riêng Đinh Hoàng-Nghi với thiếu nữ Chàm, vì kẻ Việt người Chàm, rồi có chuyện hiểu lầm sinh duyên tình trắc trở, Chang-Lan bỏ đi tu, khiến ngài ôm mối hận tình suốt đời. Ngài được Ý-Lan thân phi hỏi một thiếu nữ văn võ kiêm toàn, nhan sắc diễm lệ con gái đô-đốc Trầm Lâm tên Trần Phương-Quỳnh cho.

Khi phong công thần bình Chiêm, Long-biên ngũ hùng đều được phong tước Bá, giữ chức Đô-thống, mỗi vị chỉ huy một hiệu Thiên-tử binh. Bốn vị phu nhân được phong nhất phẩm phu nhân.

Năm 1075, Đại-Việt đem quân đánh Ung, Khâm, Liêm, Dung, Nghi, Bạch châu bên Tống, Long-biên ngũ hùng cùng các phu-nhân được đặt dưới quyền chỉ huy của Long-thành ẩn-sĩ Tôn Dẫn, và phu nhân Ngô Cẩm-Thị. Năm vị lập huân công lớn, đánh chiếm 18 ải biên giới, rồi tiến lên vây Ung-châu. Khi Tống sai năm danh tướng từ Kinh Hồ giải vây Ung-châu. Năm ngài được lệnh mang quân đánh viện ở Hỏa-giáp, Đại-giáp, Ngọc-tuyền, phá tan năm đạo binh, giết năm tướng. Năm ngài đánh những trận rung động Trung-quốc, khiến các tướng Tống đặt cho mỹ danh là *Giao-chỉ ngũ kiêu (năm con cú của đất Giao-chỉ)*. Chiến thắng trở về cả năm được phong chức thượng tướng quân, tước hầu. Các phu nhân đều được phong quận chúa.

Khi Quách Quỳ, Triệu Tiết, Tu Kỷ, Yên Đạt đem quân đánh Đại-Việt, Long-biên ngũ hùng cùng năm phu nhân tử chiến, và đều tuấn quốc. Cả năm được phong tước đại vương, các vị phu-nhân được phong công chúa, lập đền thờ. Trải qua bao thảm nạn, ác tà của nghìn năm, ngày nay tôi còn tìm được bốn đền thờ của các ngài Phạm Dật, Vũ Quang, Lý Đoan, Trần Ninh. Dân chúng vẫn hương khói thờ cúng vào dịp giỗ các ngài hay ngày sóc ngày vọng. Còn đền thờ ngài Đinh Hoàng-Nghi ở Ninh-bình thì không tìm được dấu vết. Có tài liệu nói rằng ngài là con cháu vua Đinh, nên đương thời Linh-Nhân hoàng thái hậu truyền tu bổ đền thờ vua Đinh, rồi ngài được phối thờ. Tôi đã hành hương đền thờ vua Đinh, nay ở thị-xã Ninh-bình; thì chỉ thấy tượng, bài vị thờ vua Đinh Tiên-hoàng, Việt-vương Đinh-Liễn, thái-tử Hạng-Lang, Vệ-vương Đinh-Toàn. Còn bài vị thờ ngài thì không thấy, nên tôi không tin thuyết này.

Dưới đây là tiểu chuyện các ngài.

### *7.1.1. Phạm-Dật (1049-1077)*

Tên thực là Lê Dương-Thịnh, quán làng Đông-cứu, huyện Gia-lương, tỉnh Hà-Bắc. Vì mất ngài hơi lé, nên bạn hữu gọi đùa ngài là Dật-lé. Phụ-thân là Lê Dương-Thái, mẫu thân là Đặng-thị Nhận. Song thân ngài vốn là tá điền, chẳng may gặp năm mất mùa, không đủ lúa nộp tô cho chủ điền, ông phải làm lực điền cho chủ kiếm ăn. Bà thì đi ở, còn ngài thì được sư Viên-Chiếu nhận làm học trò, nuôi cho ăn học cùng với bốn người bạn là Vũ Quang, Đinh Hoàng-Nghi, Lý Đoan, Trần Ninh. Vì tức giận chủ điền hành hạ cha mẹ, một đêm ngài lẻn đến nhà y, cầm dao giết cả hai vợ chồng ác nhân, rồi cải tên là Phạm

Dật, trốn lên Thăng-long ăn mày. Sau ngài được Khai-Quốc vương thu làm đệ tử; ngài học văn rất uyên bác, lâu thông kinh-sử, giỏi võ-nghệ.

Năm 1069, ngài theo vua Lý Thánh-Tông bình Chiêm. Ngài được đặt dưới quyền của Trung-Thành vương Lý Hoàng-Chân. Trong trận đánh Vọng-hương ngài gặp một Việt kiều tên Lê Kim-Loan, tình bạn thanh mai trúc nhũ sinh ra. Hai vị hợp sức đánh giặc, lập đại công trong các trận Vọng-hương, Vọng-giang, Tư-dung, Nam-giới, Nhật-lệ, Đồ-bàn, Phong-sa-trang. Sau khi chiến thắng trở về ngài được phong tước Bá, giữ chức Đô-thống chỉ huy hiệu Thiên-tử binh Ngự-long; bà được Khai-Quốc vương nhận làm con nuôi, được phong nhất phẩm-phu nhân.

Năm 1075, Đại-Việt đem quân đánh sang châu Ung, Liêm, Khâm bên Tống, hai ngài được đặt thuộc quyền chỉ huy của Thái-tử thiếu bảo, Quảng-nguyên hầu, Phiêu-kị đại tướng quân Lưu-Kỷ, phụ trách đánh các ải Thái-bình, Hoành-sơn, Ôn-nhuận, Quy-hóa. Các tướng Tống như Giám-áp trại Quách Vĩnh-Nghiêm, Quản-hạt Ngũ Cử, Trấn Nam tướng quân Thái Bằng; kẻ bị ngài đánh bại, kẻ bị bắt làm tù binh, người bị giết. Có lần đóng quân ở làng An-cư, sai quân giúp dân khẩn hoang, trừ ác thú. Sau đó ngài được lệnh Long-thành ẩn-sĩ Tôn Đản và phu-nhân Ngô Cẩm-Thi tiến lên đánh Ung-châu, rồi đem quân chặn viện binh Tống, giết năm tướng Tống. Chính ngài cùng phu nhân đã cùng với Đô-thống Trần Ninh và phu nhân đồng chế ra loại Lôi-tiền, gây kinh hoàng cho quân Tống. Sau chiến thắng, triều đình nghị công tâu lên; Linh-Nhân hoàng thái hậu (Ỗ-Lan) phong ngài là Long-nhượng thượng quân, tước Thiệu-Tâm hầu. Bà được phong Thiên-ân Nhu-mẫn quận-chúa.

Khi Quách Quỳ, Triệu Tiết, Tu Kỷ, Yên Đạt đem quân sang đánh Đại-Việt. Hai ngài phụ trách giữ phòng tuyến cuối cùng bảo vệ Thăng-long. Chiến lũy Như-nguyệt bị phá, quân Tống tràn về Thăng-long như nước vỡ bờ. Hai ngài chỉ huy hiệu binh Ngự-long dưới quyền chỉ huy của công chúa Thiên Ninh, đánh bật quân Tống về Bắc Như-nguyệt. Cuối trận đánh cả hai ngài đều tuấn quốc. Triều đình truy phong ngài là Long-biên, Vũ-liệt, Chiêu-thắng đại vương, bà được phong Thiên-ân, Nhu-mẫn, Hồng-đức công chúa; truyền lập đền thờ ở đình xã An-cư tục gọi là làng Gờ, tổng Đông-bối, huyện Linh-giang, nay là huyện Linh-thanh, tỉnh Hải-hưng.

***Tài liệu ghi chép.***

***Việt-Nam,***

*Hải-dương tỉnh thần tích.*

***Trung-quốc:***

*a/*

*Quách-thị Nam-chinh,*

*Triệu-thị chinh tiếu Giao-chỉ ký,*

*Tống-triều công thần bi ký,*

*Ung-châu kỷ-sự,*

*Quảng-Tây địa dư ký,*

*Quảng-Tây chư thần ký,*

*Hy-Ninh hận sự bi ký,*

*Thần-tích Hoà-giáp ngũ đại vương từ,*

*b/.*

*Thái-bình phong vật chí,  
Hoành-sơn sơn xuyên phong vực,  
Ôn-nhuận sự tích,  
Quý-hóa địa dư chí.*

### **7.1.2. Vũ Quang (1050-1077)**

Tên thực là Vũ Thành, bản tính ngài hiền hậu, nhưng rất can đảm. Hồi thơ ấu các bạn gọi đùa ngài là Quang con gái. Phụ thân ngài tên Vũ An, thân mẫu tên Trần-thị Nữ. Phụ thân ngài mất khi ngài mới bảy tuổi. Mẫu thân không có tiền chôn cất phải vay tiền của một phú gia. Vì không trả được nợ, bà phải làm lẽ phú gia để trừ nợ. Nhưng ông nhà giàu chỉ thích mẹ, mà không ưa con, nên đánh đập ngài hoài. Sư Viên-Chiếu làng Thổ-lội (nay là Phú-thị, huyện Gia-lâm, Hà-nội) đem ngài về nuôi dạy cùng bốn người bạn là Phạm Dật, Đinh Hoàng-Nghi, Lý Doan, Trần Ninh. Ngài lâu thông binh pháp, giỏi võ-nghệ. Sau được Khai-Quốc vương nhận làm đệ tử.

Năm 1069, Đại-Việt đem quân bình Chiêm, ngài được vua Thánh-tông cho tòng chinh. Ngài được đặt dưới quyền Trung-Thành vương Lý Hoàng-Chân. Trong trận đánh Vọng-hương, ngài gặp một Việt kiều tên Võ Kim-Liên, con gái danh-y Võ Thương. Tình bạn thanh mai trúc nhũ sinh ra. Hai ngài cùng sát cánh trong các trận đánh Vọng-hương, Vọng-giang, Tư-dung, Nam-giới, Nhật-lệ, Đồ-bàn, Phong-sa-trang; lập đại công. Thắng Chiêm, ngài được phong tước Bá, giữ chức Đô-thống, chỉ huy hiệu Thiên-tử binh Quảng-thánh. Bà được phong nhất phẩm phu nhân.

Năm 1075, Đại-Việt đem quân đánh sang châu Ung, Liêm, Khâm, Dung, Nghi, Bạch châu bên Tống. Hai ngài được đặt thuộc quyền Thái-tử thiếu bảo, Môn-châu hầu, Trấn Bắc thượng tướng quân Hoàng Kim-Mãn, phụ trách đánh ải Vĩnh-bình. Tướng trấn thủ Vĩnh-bình là Tô Tá bị ngài bắt sống. Sau khi chiếm Vĩnh-bình, hai ngài được lệnh Long-thành ẩn-sĩ Tôn Đản, đem quân tiến về Ung-châu. Trong trận Ung-châu, hai ngài phụ trách đem hiệu Thiên-tử binh Quảng-thánh chặn viện quân đến từ Quế-châu. Hết giặc trở về, triều đình nghị công, tâu lên; Linh-Nhân hoàng thái hậu (Ỗ-Lan) phong ngài là Hổ-uy thượng tướng quân, tước Thành-Tâm hầu, bà được Trang-hòa, Thiên-đức quận chúa.

Khi Quách Quỳ, Triệu Tiết, Yên Đạt, Tu Kỷ đem quân đánh sang Đại-Việt, vượt sông Như-nguyệt sắp tới Thăng-long. Hai ngài đem quân đánh cảm tử chặn giặc. Bị chém một đao gần đứt cổ, ngài ôm đầu chạy về đến xã A-hộ, huyện Lục-ngạn, trấn Kinh-Bắc; gặp một người đàn bà, ngài hỏi trong cơn mê loạn: *Đầu bị chém có sống được không?* Người đàn bà đáp: *E không sống được.* Ngài buông kiếm, buông đầu, ngã ngựa, tuấn quốc. Phu-nhân chỉ huy hậu quân rút về đến nơi, thấy ngài chết rồi, cũng rút kiếm tự tử theo.

Sau khi hết giặc, triều đình truy phong ngài là *Tri-tôn đầu thượng tướng quân, quả cảm Hùng-vĩ đại vương*. Phu nhân được phong *Trang-hòa, Thiên-đức, Trinh-tĩnh công-chúa*, truyền lập đền thờ. Hiện đền thờ hai ngài vẫn còn, mang tên đền Bảo-linh, ở xã A-hộ, huyện Lục-ngạn, nay là xã Biện-sơn, huyện Lục-ngạn, tỉnh Hà-Bắc.

Trên đây tôi thuật theo Quách-thị Nam-chinh, Triệu-thị chinh tiễu Giao-chỉ ký và Tống-triều bi thần ký. Còn Lục-Nam địa dư chí chép rằng ngài được vua Lý gả công chúa cho. Khi công chúa nghe tin ngài tuấn quốc, thì tự tử theo.

***Tài-liệu ghi chép.***

***Việt-Nam,***

*Lục-Nam địa chí.*

***Trung-quốc:***

*a/. Xem Phạm-Dật .*

*b/.*

*Vĩnh-bình sơn xuyên phong vực chí,*

*Vĩnh-bình chư thần chí.*

***7.1.3. Đinh Hoàng-Nghi (1051-1077)***

Ngài con của Tể-tướng Đinh Nho-Quan triều đình Đại-Nam (*Nùng Trí-Cao*), thân mẫu là Dương Hồng-Hạnh. Hồi còn niên thiếu, người ngài hơi thấp, nên bạn bè gọi đùa là Nghi-lùn. Trong trận đánh cuối cùng ở Côn-luân phố giữa quân Tống với quân Đại-Nam. Đại-Nam bị bại, bà Hồng-Hạnh tuấn quốc. Đinh Nho-Quan lưng đeo con trai duy nhất phá vòng vây, chạy về làng Thổ-lội. Nho-Quan được sư Viên-Chiếu chữa trị. Sau khi vết thương lành, Nho-Quan trao đứa con nhờ Viên-Chiếu giữ dùm, để đi cứu bạn hữu. Viên-Chiếu đặt cho đứa trẻ đó cái tên Hoàng-Nghi, ngài nuôi dạy cùng bốn trẻ khác là Phạm Dật, Vũ Quang, Lý Đoan, Trần Ninh. Lớn lên Hoàng-Nghi được Khai-Quốc vương thu làm đệ tử. Ngài học một biết mười, lâu thông kinh, sử, tử tập, võ nghệ cao cường, mưu thần chức thánh.

Năm 1069, vua Lý Thánh-tông bình Chiêm, ngài được tòng chinh, đặt dưới quyền Trung-Thành vương. Sau khi thắng trận Vọng-hương, Vọng-giang, Tư-dung, ngài được lệnh trợ chiến Tín-Nghĩa vương Lý Chiêu-Văn ở Nam-giới để đánh Bố-chánh. Trong trận này ngài gặp một cô gái Chăm mang tên Câu-thị Lị-ha-thân Bài-ma-la Nangchang-Lan (Sri Varman Nangchanglan) kết bạn thanh-mai trúc nhã. Vì ngài lập đại công trong các trận Vọng-hương, Vọng-giang, Tư-dung, Nam-giới, Nhật-lệ, Đồ-bàn, Phong-sa-trang, ; chiến thắng trở về ngài được phong tước Bá, lĩnh chức Đô-thống, chỉ huy hiệu Thiên-tử binh Quảng-vũ. Vì vấn đề kẻ Việt, người Chăm, rồi sinh hiểu lầm đưa đến Chang-Lan bỏ đi tu, làm ngài ôm hận suốt đời. Ngài được Ý-Lan thân phi hỏi cho một tiểu-thư sắc nước hương trời con gái đô-đốc Trần Lâm tên Phương-Quỳnh.

Năm 1075, Đại-Việt đem quân đánh Ung, Liêm, Khâm châu bên Tống. Ngài được đặt thuộc quyền của Thái-tử thái phó, Trấn-võ thượng tướng quân, Tô-mậu hầu Vi Thủ-An. Ngài cùng phu nhân phụ trách đánh ải Cổ-vạn. Các tướng Tống như Tả-lãnh vệ đại tướng quân Chu-Am, Bát-tác sứ Toàn-Hưng, Chiêu-thảo sứ Nùng Hiệp-Thành, bị hai ngài giết chết. Hạ ải xong, ngài đem quân chặn đánh viện quân giặc từ Khâm-châu tiến về cứu Tây-bình, Cổ-vạn, rồi tiến về vây Ung-châu. Tiếp theo, Long-thành ẩn-sĩ Tôn Đản giao cho hai ngài đem quân trấn ở đỉnh Hỏa-giáp, đánh viện binh Tống tiếp cứu Ung-Liêm. Sau chiến thắng, triều đình nghị công tâu lên, Linh-Nhân hoàng thái hậu phong ngài là Quán-

quân thượng tướng quân, tước Chính-Tâm hầu. Phu nhân được phong Tuyên-đức, Thạc-hòa quận chúa.

Khi Quách Quỳ, Triệu Tiết, Tu Kỷ, Yên Đạt đem quân đánh Đại-Việt, ngài cùng phu nhân trấn tại Chi-lãng, khiến quân Tống không tiến được, phải đi vòng sang vùng Tam-đảo. Khi quân Tống tiến đến Như-nguyệt, quân của ngài mất đường về. Ngài cùng phu nhân rút vào rừng kháng chiến đánh tập hậu. Nhận lệnh phò mã Thân Cảnh-Long, ngài cùng phu nhân vượt biên đánh cảm tử, đốt lương quân Tống ở Liêm-châu. Cả hai ngài đều tuấn quốc trận này.

Quách thị Nam-chinh chép thêm rằng: Khi ngài và phu nhân tuấn quốc, chính Nang-chang-Lan bí mật đem xác về Trường-yên (Ninh-bình) chôn trong một ngôi chùa, không rõ chùa nào?

Hết giặc, triều đình phong ngài là *Hiển-uy, Trung-nghĩa, Duệ mưu đại vương* phu nhân được phong *Nghi-hòa, Tuyên-đức, Trang-duệ công chúa* truyền lập đến thờ ở vùng Nho-quan, Trường-yên, ngày nay là Ninh-bình. Chúng tôi không tìm ra di tích đền này.

Triệu thị chinh tiểu Giao-chỉ ký chép thêm rằng ngài được Linh-Nhân hoàng thái hậu yêu thương như con. Khi ngài tuấn quốc, thái-hậu khóc đến bỏ ăn bỏ ngủ. Một hôm ngài hiện về trong giấc mộng nói với Hậu rằng: Ngài không phải là người thường, tiền thân ngài là con của Lạc-long quân vâng lệnh Ngọc-Hoàng thượng đế đầu thai làm Việt-vương Đinh Liễn đánh 12 sứ quân. Nay lại đầu thai đánh Tống. Vì vậy Linh-Nhân hoàng thái hậu sai tu sửa đền thờ vua Đinh ở Trường-yên, trong đền thờ cả Việt-vương Đinh Liễn, tức là ngài. Đền nay vẫn còn ở thị-xã Ninh-bình. Tôi không mấy tin thuyết này.

#### ***Tài-liệu***

***Việt-Nam:*** không.

***Trung-quốc:***

*a/.*

*Xem Phạm-Dật ở trên .*

*b/.*

*Khâm-châu địa dư chí,*

*Hổ-môn chư thần ký,*

*Cổ-vạn sơn xuyên cương vực ký.*

#### **7.1.4. Lý Doan (1051-1077)**

Ngài tên thực là Lê Phúc, thân phụ tên Lê Mậu, thân mẫu tên Trần-thị Nương. Nguyên ông Lê Mậu là thợ rèn, ứng nghĩa tòng quân, được xung vào đạo Thiên-tử binh Đàng-hải. Trong cuộc khởi binh của Nùng Trí-Cao, tướng Lý Nhân-Nghĩa được lệnh Khai-Quốc vương đem quân giúp Trí-Cao, vượt biên đánh trại Như-hồng, ông tử trận. Triều đình phủ tuất ruộng cho bà Nương nuôi con. Ngài được ban quốc tính Lý. Mấy năm sau bà Nương chết, làng giao ruộng cho sư Viên-Chiếu trông coi nuôi dạy ngài cùng với Phạm Dật, Vũ Quang, Đinh Hoàng-Nghi, Trần Ninh. Ngài rất giỏi y lý, nhưng bạn hữu gọi đùa

ngài là lang-bă. Sau ngài trở thành thầy thuốc danh tiếng. Ngài lại được Khai-Quốc vương thu làm đệ tử.

Năm 1069, ngài theo vua Lý Thánh-Tông bình Chiêm, đặt trực thuộc Trung-Thành vương Lý Hoàng-Chân. Sau khi đánh chiếm Vọng-hương, Vọng-giang, Tư-dung, ngài được lệnh trợ chiến cho Tín-Nghĩa vương Lý-Chiêu-Văn đánh Bó-chánh. Trong trận này ngài gặp một thiếu-nữ Việt kiều tên Trần Ngọc-Liên. Hai vị kết bạn thanh-mai trúc nhũ, sát cánh đánh giặc lập đại công trong các trận Bó-chánh, Nhật-lệ, Đồ-bàn, Phong-sa-trang. Khải hoàn, ngài được phong tước Bá, giữ chức Đô-thống chỉ huy hiệu Thiên-tử binh Bổng-nhật, phu nhân được phong Liên-hương, Nhu-mẫn quận chúa.

Năm 1075, Đại-Việt đem quân đánh Ung, Liêm, Khâm, Dung, Nghi, Bạch của Tống; hai ngài được đặt thuộc quyền chỉ huy của Kiểm-hiệu tư-không, Thượng-thư hữu bộc-xạ, Khu-mật viện sứ, Phụ-quốc đại tướng quân, Nghĩa-dũng quốc công tước phò-mã Thân Cảnh-Long. Hai ngài được trao nhiệm vụ đánh ả Tây-bình. Tây-bình bị hạ, tướng trấn thủ là Chiêu-thảo-sứ Nùng Toàn-An bỏ chạy, Trấn-viễn đại tướng quân Lưu Khải bị bắt. Tiếp theo hai ngài được lệnh Long-thành ẩn-sĩ Tôn Đản, đem hiệu Thiên-tử binh Bổng-nhật vây Ung-châu, chặn đánh viện binh Tống ở núi Hỏa-giáp. Sau trận này ngài có đề nghị với nguyên-soái Lý Thường-Kiệt nên đem quân vượt Ngũ-lĩnh chiếm Trường-sa, nhưng không được chấp thuận. Chiến-thắng trở về, triều đình nghị công tâu lên, Linh-Nhân hoàng thái hậu (Ỗ-Lan) phong cho ngài chức Hoài-hóa thượng tướng quân, tước Trực-Tâm hầu. Phu nhân được phong Thiên-y, Đại-từ quận chúa.

Khi Quách Quỳ, Triệu Tiết, Yên Đạt, Tu Kỷ mang quân sang đánh Đại-Việt, hai ngài được lệnh trấn vòng đai thứ ba, tại Yên-dũng, bảo vệ Thăng-long. Khi danh tướng Yên Đạt, Khúc Chấn, phá vỡ chiến lũy Phú-lương, công chúa Động Thiên, phò mã Hoàng Kiện tuấn quốc. Quân Tống như nước vỡ bờ tấn công Yên-dũng. Ngài cùng phu nhân dùng Ngư-binh đánh tan quân Tống, chiếm lại chiến lũy Phú-lương. Trong trận đánh, dù bị thương, hai ngài vẫn cương quyết chiến đấu. Đạt thắng lợi, hai ngài mới tuấn quốc.

Hết giặc, ngài được phong *Thiên-y, Ưu-dũng, Chí-nhân đại-vương*. Phu nhân được phong *Nam-thiên, Liên-hoa, Đoan-nhu công-chúa*. Truyền lập đền thờ.

Đền thờ hai ngài ở làng Cẩm-chàng, xã Bông-lai, huyện Quế-dương nay là huyện Quế-võ tỉnh Hà-Bắc.

***Tài liệu***

***Việt-Nam,***

*Bắc-ninh tỉnh thần chí.*

***Trung-quốc,***

*a/*

*Xem Phạm-Dật ở trên.*

*b/*

*Tây-bình chư thần chí,*

*Tây-bình sơn xuyên cương vực chí.*

### *7.1.5. Trần Ninh (1052-1077)*

Thời niên thiếu, da ngài hơi đen, nên bạn hữu gọi đùa là Ninh-đen hay Ninh Mai Hắc-đế. Thân-phụ tên Trần Công-Bình, thân mẫu tên Lưu Tuệ-Trinh, quán làng An-mỹ, tổng Dương-quang, huyện Gia-lâm, lộ Kinh-Bắc. Ông Trần Công-Bình nguyên giữ chức thủ-bạ ở làng Thổ-lội. Trong một lần đi qua bờ sông Nguyệt-đức (sông Cầu), đêm bà mơ thấy một vị sứ giả của Ngọc-Hoàng thượng đế giáng xuống nói rằng : Vợ chồng nhà người ăn ở phúc đức, nên Ngọc-Hoàng truyền cho con trai thứ chín của Lạc-Long quân giáng sinh làm con; sau sẽ làm đại tướng trấn thủ Nam-phương. Trở về bà mang thai, đẻ ra ngài. Khi ngài mới bảy tuổi, thì song thân đều qua đời. Sư Viên-Chiếu đem về làng Thổ-lội nuôi dạy cùng với Phạm Dật, Vũ Quang, Đinh Hoàng-Nghi, Lý Đoan. Lớn lên ngài được Khai-Quốc vương thu làm đệ tử. Ngài học văn, luyện võ đều thành. Ngài có biệt tài leo cây nhanh như vượn, lặn dưới nước như cá.

Trong lần bình Chiêm (1069), vua Lý Thánh-tông cho ngài tòng chinh, đặt dưới quyền Trung-Thành vương Lý Hoảng-Chân. Sau khi lập công trong trận Vọng-hương, Vọng-giang, Tư-dung, ngài được gửi đến trợ chiến cho Tín-Nghĩa vương Chiêu-văn ở trận Nam-giới. Tại trận đánh Bối-chánh ngài gặp một thiếu nữ Việt-kiều tên Trần Ngọc-Hương. Hai ngài kết bạn thanh mai trúc nhũ, cùng sát cánh đánh giặc. Hai ngài đã lập đại công trong trận Nam-giới, Nhật-lệ, Đồ-bàn, Phong-sa-trang. Chiến thắng trở về, ngài được phong tước Bá, giữ chức Đô-thống chỉ huy hiệu Thiên-tử binh Đằng-hải. Bà được phong nhất phẩm phu nhân.

Năm 1075, Đại-Việt đem quân đánh Tống, chiếm châu Khâm, Liêm, phá châu Ung, Dung, Nghi, Bạch; hai ngài với hiệu Thiên-tử binh Đằng-hải được đặt thuộc quyền chỉ huy của Kiểm-hiệu tư không, Thượng-thư hữu bộc xạ, Khu-mật viện sứ, Phụ-quốc đại tướng quân, Nghĩa-dũng quốc công tước phò mã Thân Cảnh-Long. Hai ngài có nhiệm vụ đánh ải Lộc-châu. Lộc-châu bị phá, tướng trấn thủ là Chiêu-thảo sứ Nùng Tông-Đán bỏ chạy. Tiếp theo, ngài nhận lệnh Long-thành ẩn-sĩ Tôn Đản, mang quân tiến về đánh Ung-châu, rồi đem quân chặn đánh viện binh ở núi Đại-giáp. Chiến thắng trở về, triều đình nghị công, tâu lên; Linh-Nhân hoàng thái hậu phong cho ngài lĩnh ấn Vân-ma thượng tướng quân tước Nhu-Tâm hầu. Phu-nhân được phong Thiên-hương, Thuần-mẫn quận chúa.

Khi Quách Qùy, Triệu Tiết, Yên Đạt, Tu Kỷ đem quân đánh Đại-Việt. Hai ngài theo Trung-Thành vương Lý Hoảng-Chân, Tín-Nghĩa vương Lý Chiêu-Văn đánh trận Kháo-túc. Cả hai ngài đều tử quốc. Hết giặc, triều đình phong ngài là *Anh-duệ, Chiêu-thắng, Trung-liệt, Nguyệt-đức Long-vương*. Phu nhân được phong *Trang-duệ, Thuần-mẫn, Thiên-hương công chúa*; truyền lập đền thờ ở bờ sông Nguyệt-đức, thuộc hai xã Chân-hộ, Hộ-trung huyện Yên-phong tỉnh Bắc-ninh, nay là tỉnh Hà-Bắc.

Trên đây tôi thuật theo Quách-thị Nam chinh, Triệu-thị chinh tiểu Giao-chỉ ký và Tống triều công thần bi ký. Còn tài liệu Việt thì chép giản dị rằng: Đền bên sông Nguyệt-đức xã Chân-hộ, Hộ-trung huyện Yên-phong tỉnh Bắc-ninh thờ Thủy-thần thủy tộc Long-vương. Nguyên thần là con Lạc-Long quân. Đền còn thờ hai vị thần nữa là Hoàng-Hà đoan khiết phu nhân, và Tam-giang công chúa.

**Tài liệu**

**Việt-Nam,**

*Đại-Việt địa dư chí,*

*Bắc-ninh tỉnh địa dư,*

*Bắc-thành địa dư chí lục,*

*Đại-Nam nhất thống chí,*

*Bắc-ninh toàn tỉnh địa dư chí.*

**Trung-quốc,**

*a/.*

*Xem Phạm-Dật ở trên.*

*b/.*

*Lộc-châu sự tích,*

*Lộc-châu cương vực chí.*

## **7.2. Tây-hồ thất kiệt**

Tây-hồ thất kiệt là bảy đại-tướng quân thời vua Lý Thánh-tông, Lý Nhân-tông. Vì hoàn cảnh nhà nghèo khó, cả bảy vị đều sống lang thang ở Thăng-long; khi thì quét nhà, rửa chén cho những tửu lâu ở đế đô; khi thì làm mướn cho ngư-dân quanh sông Hồng, hồ Tây. Có lúc nghèo túng quá, cả bảy vị đều đi ăn mày, móc túi, ăn cắp vặt. Duyên may đến, bảy vị được Minh-Không bồ-tát thu làm đệ tử, rồi đem gửi cho hoàng-tử Lý Chiêu-Văn nuôi. Hoàng-tử Chiêu-Văn là con trai Khai-Quốc vương. Một dịp may đến nữa bảy vị lại được Khai-Quốc vương thu làm đệ tử. Về văn, các ngài chỉ học đủ đọc sách, nhưng về võ, các ngài luyện tập được bản lĩnh tối cao. Trong thời gian ở hồ Tây, bảy ngài luyện được phép lặn dưới nước như giao-long. Một cơ duyên khác, bảy vị gặp một thiếu nữ tên Lê-thị Yến-Loan, được nhận làm em nuôi. Khi Yến-Loan được phong làm Ý-Lan phu-nhân, bà đem tài bảy ngài tâu lên vua. Vua ban cho mỹ hiệu là Tây-hồ thất kiệt.

Bảy ngài là những người đầu tiên chế ra bánh tôm. Sau này mang tên bánh tôm Tây-hồ, mà bất cứ người Việt nào cũng từng nếm qua. Nơi mà thời thơ ấu, năm ngài lưu ngụ ăn mày, nay nằm khoảng từ đền Trấn-vũ tới đền Yên-phụ.

Thời gian này Tây-hồ thất kiệt thu dụng 500 thiếu niên cùng khổ, ăn mày, đem về nuôi dạy, khiến cho họ có bản lĩnh bơi lội dưới nước như rái cá, rất giỏi thủy chiến, được vua Thánh-Tông ban cho mỹ hiệu Giao-long Tây-hồ.

Năm 1069, cả bảy ngài với đội Giao-long Tây-hồ đều theo vua Lý Thánh-tông bình Chiêm; từng lập công lớn trong trận Nam-giới, Nhật-lệ, Thi-nại, Pandurango. Khải-hoàn trở về cả bảy ngài đều được phong tước Bá, giữ chức Đô-thống. Mỗi ngài chỉ huy một hiệu Thiên-tử binh. Ý-Lan thân-phi cưới cho bảy ngài bảy tiểu thư văn-võ toàn tài, đệ tử của Lý Thường-Kiệt, để phu thê có thể cùng nhau phò tá xã-tắc.

Năm 1075, trong cuộc vượt biên đánh sang châu Ung, Liêm, Khâm, Dung, Nghi, Bạch bên Tống; bảy ngài lập công lớn. Trở về, bảy ngài đều được phong đại-tướng quân, tước hầu. Bảy phu-nhân được phong quận-chúa.

Khi Quách Quỳ, Triệu Tiết, Tu Kỷ, Yên Đạt mang quân sang đánh Đại-Việt. Bấy ngài cùng bảy quận-chúa đánh những trận kinh thiên động địa, nên trong Quách-thị Nam chinh, người Tống gọi bảy ngài là *Giao-long thất quái*. Trong Triệu-thị chinh tiêu Giao-chỉ ký gọi bảy ngài là *Giao-chỉ thất long*. Bấy ngài và bảy phu nhân đều tuấn quốc trong cuộc kháng Tống. Sau khi hết giặc, triều đình truy phong bảy ngài tước đại-vương, các phu-nhân được phong tước quận chúa, truyền lập đền thờ. Trải qua nghìn năm, ngày nay đền thờ các ngài vẫn còn, dân chúng vẫn hương khói vào ngày giỗ, ngày sóc, ngày vọng.

Dưới đây là tiểu chuyện các ngài:

### *7.2.1. Trần-Di (1051-1077)*

Thửa niên thiếu đáng người ngài gầy, mà cao, nên còn có tên là Di-sậy. Phụ thân tên là Nguyễn Giang-Hồng, mẫu thân tên Trần-thị Yến. Ông bà làm nghề đánh cá ở xã Mộ-đạo, huyện Vũ-tiên, phủ Kiến-xương. Nay là huyện Vũ-thư, tỉnh Thái-bình. Ông bà ngoại của ngài không có con trai, nên nuôi ngài như con. Vì vậy ngài mang họ Trần. Năm ngài lên tám tuổi, song thân đi đánh cá, gặp bão thuyền lật, cả hai đều qua đời. Ngài lưu lạc theo thuyền buôn lên Thăng-long. Tại Thăng-long ngài gặp sáu người đồng cảnh mồ côi, kết bạn với nhau, sau vua Lý Thánh-tông ban cho bảy ngài mỹ hiệu là Tây-hồ thất kiệt.

Tương truyền Tây-hồ thất kiệt có tài lặn dưới nước hàng giờ, hai tay không bắt được cá, và chạy nhanh hơn ngựa. Ngài lớn tuổi nhất trong Tây-hồ thất kiệt.

Trong cuộc bình Chiêm năm 1069, Tây-hồ thất kiệt lập công lớn ở trận Nam-giới, Nhật-lệ, Pandurango. Trở về, ngài được phong tước Bá, giữ chức Đô-thống, chỉ huy hiệu Thiên-tử binh Vũ-thắng. Ý-Lan thần phi cưới cho ngài một tiểu-thư sắc nước hương trời, văn võ kiêm toàn tên là Bùi Phương-Lý, cháu của quan Văn-minh điện đại-học sĩ Bùi Hựu.

Trong cuộc Bắc phạt năm 1075, ngài cùng phu-nhân chỉ huy hiệu Vũ-thắng, phụ trách đánh ải Thiên-long. Đây là ải kiên cố nhất, quân phòng thủ cũng tinh nhuệ nhất. Hai ngài phải đánh hai ngày mới hạ được, tướng trấn thủ là Giám-áp Phong Hiến bị bắt.

Sau khi hạ Thiên-long, hai ngài được lệnh đánh Nghi-châu. Nghi-châu bị hạ trong năm ngày. Tín-Nghĩa vương lại ra lệnh cho hai ngài đem quân tiến về đánh Ung-châu.

Chiến thắng trở về, ngài được phong chức Quy-đức đại tướng quân, tước Hư-Tâm hầu. Vì phu-nhân có theo trong quân trợ chiến, nên được phong nhất phẩm phu nhân.

Khi Quách Quỳ, Triệu Tiết, Yên Đạt, Tu Kỷ đem quân sang đánh Đại-Việt. Ngài được lệnh trấn ở phòng tuyến Vạn-xuân. Quách-Quỳ dùng cách đánh biển người. Ngài cùng phu nhân tuấn quốc. Sau khi hết giặc, triều đình truy phong ngài là *Nhân-dũng, Tráng tiết, Thần oai, Thủy-tế Long-vương*, phu nhân được phong *Hoà-thạc, Chí nhu, uyển mị Đông-hải công chúa*, truyền lập đền thờ tại quê ngài. Trải qua nghìn năm mưa nắng,

biết bao lớp sóng phé hưng, ngày nay đền thờ ngài vẫn còn tại xã Mộ-đạo, huyện Vũ-thư, tỉnh Thái-bình.

Trên đây tôi thuật theo bộ Quách-thị Nam chinh và bộ Triệu-thị chinh tiểu Giao-chỉ ký, Quảng-Tây địa dư chí, và một số bia đá, mộ chí của các tướng Tống. Trong khi tập Ngọc-phả cổ lục của Việt-Nam chép rằng: Ngài có tên chàng Hai, cha mẹ làm nghề đánh cá. Một hôm bà bị giao-long nổi lên quăn quanh người. Đêm đó ông mơ thấy thần tự xưng là Đệ-nhị thủy thần dưới Long-cung đầu thai, sau giúp vua giữ nước. Quả nhiên bà mang thai, rồi sinh ra một bọc. Bỗng có tiếng sét nổ lớn rồi bọc vỡ ra. Trong bọc có bé trai lớn, khắp người phủ vảy cá, phụ thân đặt tên là chàng Hai. Năm tám tuổi, chàng Hai cao lớn dị thường. Vua Lý Nhân-tông nghe tiếng mời ra cầm quân đánh Chiêm. Sau khi bình Chiêm, chàng Hai trở về quê. Một ngày trời mưa, nước lụt, chàng Hai cùng đám giao long bơi về Long-cung mất. Dân làng vớt quần áo mang về thờ.

Tôi giải đoán rằng: Sau khi ngài tuấn quốc, triều đình cho lập đền thờ, chắc có chép phả đầy đủ. Nhưng năm 1407, Trương-Phụ thu mang về Kim-lăng. Cho đến khi vua Lê dành lại độc lập, dân làng mới chép lại phả theo lối huyền thoại như trên.

***Tài liệu:***

***Việt-Nam,***

*Ngọc-phả cổ-lục.*

***Trung-quốc,***

*a/*

*Xem Phạm-Dật ở trên.*

*b/*

*Thiên-long địa dư chí,*

*Khâm-châu chú thần ký,*

*Nghi-châu địa dư chí.*

***7.2.2. Dương-Minh (1051-1077).***

Trong mười hai đại tướng quân tuấn quốc vào thời gian kháng Tống (1076-1077) thì Trung-vũ đại tướng quân Cao-sơn đại vương được thờ nhiều nhất, cũng bị huyền thoại hóa nhiều nhất. Vào thời Trần, có khoảng 21 đền, miếu thờ ngài. Ngài là vị thần còn nhiều di tích nhất. Với hoàn cảnh khó khăn sau bao nhiêu thăng trầm, cho đến nay (1995) chúng tôi ghi lại được chín di tích như sau:

7.2.2.1. Đền thờ chung của ba xã Ôn-cập (làng Gấp), Lạc-yên (làng Khố), Hoàng-liên (làng Sen), tổng Hoàng-vân. Nay thuộc huyện Hiệp-hòa, tỉnh Hà-Bắc. Khi tử trận Kháo-túc, ngài uất ức than rằng: *Sao đã vội chết, khi chưa đền xong nợ nước.* Nên sau đó ngài lại đầu thai trở lại. Bắc-giang tỉnh thần tích chép kiếp này ngài được tiên ở cầu Thấp-tần cho áo tàng hình. Ngài thường tàng hình vào công khố lấy thóc lúa, tiền bạc giúp dân nghèo. Đời vua Lý Anh-tông, nhà Tống sai Đàm Hữu-Lượng đem quân sang đánh Đại-Việt. Ngài dùng áo tàng hình vào trại bắt tướng giặc. Ngài được vua gả công chúa, cho cai quản từ sông Lục-đầu tới Cao-bằng. Sau ngài mất ở Thạch-long. Vua Lý Anh-Tông thương tiếc, cho dân ba xã trên lập đền thờ.

7.2.2.2. Đền thờ thần Cao-sơn ở xã Lương-nhàn, huyện Chí-linh, tỉnh Hải-hưng. Tương truyền thần thường hiện ra làm thầy lang chữa bệnh cho dân. Có lần thần trị được hàng trăm trẻ bị bệnh đậu mùa sắp chết. Khi dân húng tiễn thầy lang về, thì thầy chỉ lên ngọn núi Lương-nhàn mà bảo: Nhà ta ở đó, rồi biến mất. Dân chúng lần theo tay thầy lang chỉ, lên ngọn núi, thấy toà cổ miếu, trong có tượng, cổ tượng có vết đao chém, thì biết là ngài.

7.2.2.3. Đền thờ Cao-sơn đại vương ở phường Đông-tác, huyện Thọ-xương, nay thuộc quận Đống-đa, Hà-nội.

Tương truyền thần là một trong năm mươi con của Lạc-Long quân theo mẹ lên núi, và là vị thần thứ nhì được thờ bên tả đền Tản-viên. Đến thời vua Lý Thái-tông, thần được lệnh Ngọc-Hoàng thượng đế xuống đầu thai để giúp vua đánh Tống, bình Chiêm. Trong trận đánh sông Như-nguyệt, bị chém vào cổ, thần ôm đầu chạy về quê, rồi tuấn quốc. Hồi vua Lê Tương-Dực (1505-1516) bị binh biến phải chạy về Thanh-hóa. Vua từng đến đầu cầu xin trợ giúp. Sau khi hết giặc, vua về Thăng-long, sai Đông-các đại học sĩ, Lê-bộ thượng thư, Quốc-tử giám tế tửu Lê Tung soạn văn bia để ghi ơn.

7.2.2.4. Đình thờ ở thôn Điền-niêm, xã Đông-tạ, huyện Vĩnh-bảo, nay thuộc Hải-phòng. Tương truyền thời vua Giản-Định đời hậu Trần, dân gian có nhiều người bị bệnh đậu mùa, cầu trời; thì có thần hiện xuống cứu, xưng là Cao-Sơn đại vương. Thần trị hết bệnh cho tất cả dân chúng.

7.2.2.5. Đền thờ Cao-sơn đại vương ở thôn Bất-lự, xã Đại-sơn, huyện Tiên-du, nay là huyện Tiên-sơn, tỉnh Hà-bắc. Đền thờ thần Tản-Viên. Nhưng lại nói, đến thời vua Lý Thái-tông, thần vâng lệnh Ngọc-Hoàng thượng đế đầu thai, làm tướng đánh Tống, bình Chiêm. Sau tuấn quốc ở trận Như-nguyệt.

7.2.2.6. Đình thờ làng Cung-bái, huyện Lục-ngạn, nay là huyện Yên-thế, tỉnh Hà-Bắc. Đền thờ Cao-Sơn đại vương và Quý--Minh đại vương. Tương truyền hai thần sinh vào thời vua Hùng Duệ-Vương. Bà mẹ mơ thấy rồng phun nước vào bụng, rồi sinh ra một bọc, nở ra hai con trai. Lớn lên hai ngài đều có tài văn võ, giúp vua Hùng đánh Thục, sau tuấn quốc ở núi Tản. Đến đời Lý, thần Cao-Sơn đầu thai xuống làm tướng giúp vua Lý Thánh-tông bình hiêm, giúp vua Nhân-tông đánh Tống, rồi tử trận ở sông Như-nguyệt.

7.2.2.7. Đình thờ làng Đông-lỗ, tổng Đông-lỗ, huyện Hiệp-hòa, tỉnh Hà-Bắc, thờ thần tên Cao-Sơn Quý-Minh, tên thực là Dương Tự-Minh quê ở làng Quan-triều, huyện Phú-lương, tỉnh Thái-nguyên. Thần nguyên là tướng thời vua Lý Nhân-tông, tử trận sông Như-nguyệt, tái đầu thai. Nhân được thần cho chiếc áo tàng hình, ngài thường vào cung lấy trộm vàng bạc đem giúp dân nghèo. Chẳng may một lần bị bắt, đem chém. Vua Lý Anh-tông thương tình tha cho. Bấy giờ quân Tống sang xâm lược, ngài dẹp giặc có công, được vua gả công chúa Thiều-Dung cho. Ngài lại có công dẹp nội loạn Anh-Vũ, được vua gả công chúa Diên-Bình. Sau ngài cáo quan về quê ở Phú-lương. Có kẻ tố cáo ngài mưu phản, vua sai bắt chém, nhưng khi giải đến bờ sông, ngài hóa. Vua thấu tình phong làm thần, truyền cho các làng từ Cao-bằng đến sông Lục-đầu lập đền thờ.

7.2.2.8. Đền thờ ở xã Quỳnh-giản, huyện Chí-linh, tỉnh Hải-dương. Thần tích giống như đền thờ xã Lương-nhàn, mục số 7.2.2.7 trên.

7.2.2.9. Đình thờ xã Đồng-áng, tổng Hoàng-vân, huyện Hiệp-hòa, tỉnh Hà-bắc, thần tích giống như đền Đông-lỗ, mục số 7.2.2.7. trên.

***Tài liệu ghi chép,***

***Việt-Nam,***

*Đại-Nam nhất thống chí,  
Đông-Khánh địa dư chí,  
Công-dư tiếp ký,  
Hoàng-Việt địa dư,  
Bắc thành địa dư chí lục,  
Hà-nội sơn-xuyên phong tục,  
Đại-Việt địa dư chí,  
Thăng-long cổ-tích khảo,  
Hải-dương tỉnh thần tích,  
Bắc-giang tỉnh thần tích,  
Chư dư tạp biên.*

***Trung-quốc,***

*a/  
Nhut Phạm-Dật trên.  
b/  
Khâm-châu chư thần ký,  
Nhut-tích sơn xuyên phong vực chí,  
Đễ-trạo địa dư chí,  
Dung-châu sử tích.*

QTNC và TTCTGCK chép ngài tên thực là Dương Minh, thân phụ là Dương Đức, thân mẫu là Vũ-thị Ngân. Vì thời thơ ấu ngài hơi ngọng, nên các bạn gọi ngài là Minh-ngọng. Song thân ngài làm nghề đánh cá ở sông Lục-đầu. Khi ngài lên bảy tuổi, thì ông bà đi đánh cá bị gió cuốn, thuyền lật chết đuối. Ngài phải ăn mày khắp nơi kiếm sống. Năm mười một tuổi (1062) ngài lưu lạc về Thăng-long, gặp sáu người đồng cảnh ngộ, kết bạn với nhau. Bảy ngài cất gỗ, dựng lều tranh ở ven hồ Tây, rồi khi thì kéo lưới mươn, khi thì mò cua bắt ốc, có khi phải xúc phân trâu bán. Một vài lần đói quá phải ăn cắp gà, móc túi.

Trong thời gian này, ngài được Khai-Quốc vương phi dạy về y. Tương truyền ngài đã tìm ra phương thuốc chữa bệnh đậu mùa, bệnh đậu Lào, và thường đeo túi lang thang đi trị bệnh cho dân.

Trong cuộc bình Chiêm năm 1069, được vua Thánh-tông cho tòng chinh, ngài lập công lớn trong trận Nam-giới, Bồ-chánh, Nhật-lệ, Thi-nại, Pandu- rango. Khi luận công phong thần, ngài được phong tước bá, chỉ huy hiệu Thiên-tử binh Long-đực. Ý-Lan thần phi hỏi cho ngài một tiểu thư tài sắc vẹn toàn tên Hoàng Phương-Lý, con quan Hình-bộ thượng thư Hoàng Khắc-Dụng.

Năm 1075, Đại-Việt đem quân Bắc phạt, ngài cùng phu nhân chỉ huy hiệu Thiên-tử binh Long-dực, phụ trách đánh ải Như-tích, Để-trạo. Gặp sức kháng cự của quân Tống cực kỳ mãnh liệt, ngài và phu nhân đều bị thương, nhưng vẫn cương quyết đi tiền phong xung sát. Sau hai ngày cầm cự, Như-tích, Để-trạo thất thủ. Tướng trấn thủ là Ngũ Hoàn bị giết tại trận. Sau đó ngài được lệnh Tín-Nghĩa vương tiến đánh Dung-châu. Chỉ sau ba ngày, hiệu Long-dực hạ được thành Dung, tướng trấn thủ là Đô-giám Vương Kính tử thương. Tiếp theo ngài tiến quân về đánh Ung-châu.

Ca khúc khải hoàn, ngài được phong chức Trung-vũ đại tướng quân tước Kính-Tâm hầu. Phu nhân được phong nhất phẩm phu nhân.

Khi Quách Quỳ, Triệu Tiết, Yên Đạt, Tu Kỷ đem quân đánh Đại-Việt (1076-1077), ngài cùng phu nhân nhận nhiệm vụ đánh cắm tử vào khu đóng quân của Tống. Công tác hoàn thành, nhưng ai ngài đều tử thương. Hết giặc, triều đình nghị công, truy phong ngài là *Cao-Sơn, Thiên-y, Trung-vũ đại vương*. Phu nhân được phong Trang-Hòa quận chúa, truyền lập đền thờ.

### *7.2.3. Triệu Thu (1052-1077)*

Ngài quán làng Cao-xá, trấn Nghệ-an. Phụ-thân tên Phạm Dung, mẫu-thân tên Trần Ngọc-Lan. Hai vị làm nghề đánh cá, chỉ sinh được mình ngài, đặt tên là Phạm Minh. Năm ngài lên bảy tuổi, thì song thân qua đời. Ngài được một ngư dân ở phường Thọ-xương tên Triệu Nguyên nhận làm con nuôi, vì vậy ngài mang họ Triệu. Năm ngài mười tuổi, thì nghĩa phụ chết, để lại một căn nhà nhỏ, với chiếc thuyền câu. Ngài đem sáu người bạn cùng lứa, đang lang thang vô sở bất chí quanh hồ Tây về sống chung. Được năm tháng, lý trưởng trong làng muốn chiếm đất, nhà của ngài, y vu cáo cho bảy ngài là phường du thủ, du thực. Vì vậy ngài phải cùng các bạn sống lang thang ven hồ Tây, khi thì ăn mày, khi thì kéo lưới mươn, có khi đói quá phải đi móc túi.

Năm 1069, trong cuộc bình Chiêm, bảy ngài cùng đội Giao-long Tây-hồ được vua Thành-tông cho tòng chinh. Ngài từng lập đại công trong trận đánh Nam-giới, Bó-chánh, Nhật-lệ, Thi-nại, Pandurango. Ca khúc khải hoàn, ngài được phong tước bá, giữ chức đô-thống, chỉ huy hiệu Thiên-tử binh Thần-điện. Ý-Lan thần phi cưới tiểu thư con quan Tham-tri Hộ-bộ Phan Trọng-Tân, là Phan Phương-Liêu cho.

Năm 1075, Đại-Việt đem quân Bắc-phạt, ngài cùng phu nhân chỉ huy hiệu Thiên-tử binh Thần-điện đánh úp căn cứ thủy quân, cùng xướng đóng chiến thuyền của Tống. Hai ngài thành công thực dễ dàng, rồi kéo quân về Khâm-châu.

Tín-Nghĩa vương lệnh cho hai ngài đem quân công phá Bạch-châu. Gặp sức kháng cự mãnh liệt của quân Tống, ngài dùng hỏa công đốt thành. Sau mười ngày, dân trong thành hết lương đánh lại quân Tống, mở cửa xin hàng.

Hạ Bạch-châu, ngài tiến quân về công hãm Ung-châu. Ca khúc khải hoàn, triều đình nghị công tâu Lê, Linh-Nhân hoàng thái hậu phong cho ngài chức Tuyên-vũ đại tướng quân, tước Tín-Tâm hầu. Phu nhân được phong nhất phẩm phu nhân.

Khi Quách Quỳ, Triệu Tiết, Yên Đạt, Tu Kỷ đem quân đánh Đại-Việt, hai ngài tử chiến ở trận Kháo-túc, cả hai đều tuấn quốc. Hết giặc, triều đình nghị công, ngài được truy phong Anh-văn Tuyên-vũ đại vương. Phu-nhân được phong Trang-Ninh quận chúa, truyền lập đền thờ.

Hiện đền thờ ngài ở xã Cung-nhượng, tổng Thọ-xương, phủ Lạng-giang, tỉnh Bắc-giang, nay là tỉnh Hà-Bắc.

Bắc-giang tỉnh thần tích chép ngài theo vua đánh Chiêm, khi trở về được ba tháng, thì Chiêm cho người sang ám sát, xác ngài trôi theo sông Thiên-đức tới làng Cung-nhượng thì dạt lên bờ. Phu nhân nghe tin này nhảy xuống sông tự tử.

***Tài liệu ghi chép.***

***Việt-Nam,***

***Bắc-giang tỉnh thần tích.***

***Trung-quốc,***

*a/.*

*Xem Phạm-Dật ở trên.*

*b/.*

*Khâm-châu chư thần ký,*

*Đông-hải Hy-Ninh bản mạt,*

*Bạch-châu địa dư chí.*

***7.2.4. Mai-Cầm (1052-1077)***

Ngài quán tại trang Vạn-phân, huyện Đông-thành, tỉnh Nghệ-an. Vì ngài có cái theo trên cằm, nên các bạn gọi là Cầm-theo. Thân mẫu ngài tên Mai Xuân-Huệ, không chồng mà chửa, lúc lâm bồn sinh ra một con trai, đặt tên là Mai-Cầm. Bà bị làng bắt khoán, nên phải bỏ quê ra đi; đến làng Đạo-sử thì được một phú ông tên Lưu Khánh cứu mang, đổi tên ngài là Lưu Hùng. Năm ngài lên chín tuổi, thì nghĩa phụ và thân mẫu bị cọp vồ chết. Các con ông Lưu Khánh đuổi ngài ra khỏi nhà. Ngài lang thang ăn mày, lưu lạc tới Thăng-long, rồi gặp sáu người đồng cảnh ngộ, kết thành bạn.

Trong cuộc bình Chiêm năm 1069, ngài được vua Thánh-tông cho tùng chinh. Nhờ lập đại công trong trận đánh Nam-giới, BỐ-chánh, Nhật-lệ, Thi-nại, Panduran- go. Sau khi chiến thắng khả hoàn, ngài được phong tước bá, giữ chức đô-thống, chỉ huy hiệu Thiên-tử binh Bồng-thánh. Ý-Lan thần phi hỏi tiểu thư con quan Kinh-lược an-vũ sứ Trường-yên tên Tôn Sơn là Tôn Phương-Đơn cho.

Năm 1075, Đại-Việt đem quân Bắc-phạt, ngài được nguyên-soái Thường-Kiệt trao cho nhiệm vụ tấn công vào cửa Đông, sau đó vượt ra cửa Tây, trấn ở Tiểu-dã để chặn phục binh.

Việc đánh chiếm Khâm, Liêm, Dung, Nghi, Bạch châu xong, nguyên soái Thường-Kiệt truyền cho ngài đem quân về đánh Ung-châu.

Hạ xong thành Ung, quân Việt rút về, triều đình nghị công tâu lên, Linh-Nhân hoàng thái hậu phong ngài chức Tuyên-uy đại tướng quân, tước Từ-Tâm hầu. Phu-nhân được phong nhất phẩm phu nhân.

Khi Quách Quỳ, Triệu Tiết, Yên Đạt, Tu Kỷ mang quân đánh đại Việt, ngài cùng phu nhân trấn ở phòng tuyến Như-nguyệt, cả hai đều tuấn quốc. Hết giặc, triều đình nghị công truy phong ngài là Tuyên-uy phúc tướng đại vương. Phu nhân được phong Trang-Mẫn quận chúa, truyền lập đền thờ.

Trải qua gần nghìn năm, đến nay đền thờ ngài vẫn còn tại làng Đạo-sử, tổng Phá-lãng, huyện Lang-tài, nay là xã Phá-lãng, huyện Gia-lương, tỉnh Hà-Bắc.

Một đền thờ thứ nhì tại làng Đông-hương, tổng Phá-lãng nay là xã Phá-lãng, huyện Gia-lương, tỉnh Hà-Bắc.

Trong Bắc-ninh tỉnh thần tích lại chép rằng:

Thân mẫu ngài thấy con trâu vàng tắm ở ven biển. Khi bà tới hần thì trâu biến mất, chỉ còn lại hai cái lông, bà giắt hai cái lông vào gấu áo. Hai cái lông chảy thành nước, ngấm vào bụng bà. Từ đó bà mang thai, sinh một bọc hai trai. Bị dân làng chê cười, bà bỏ làng ra đi. Đến làng Đạo-sử được một phú ông cứu mang. Bà đặt tên con là Hùng và Huy. Hùng có tài võ, Huy có tài văn. Sau hai anh em theo vua bình Chiêm. Thắng trận hai ông trở về làng khao thưởng quân sĩ rồi vào triều nhận chức. Khi thuyền chở hai ông đến trang Đông-sá, phủ Thiên-trường thì bị đắm. Xác hai ông trôi về quê sắc diện còn tươi. Dân làng dâng biểu về triều, vua ban cho sắc phong để thờ phụng.

*Tài liệu ghi chép,*

*Việt-Nam,*

*Bắc-ninh tỉnh thần tích.*

*Trung-quốc,*

*a/*

*Xem Phạm-Dật trên.*

*b/*

*Khâm-châu chư thần ký,*

*Liên-châu địa dư chí,*

*Hổ-môn chư thần chí.*

### **7.2.5. Quách Y (1052-1077)**

Tên thực ngài là Phạm Trọng-Y. Chính quán ngài tại đâu không rõ. Chỉ biết song thân ngài làm nghề trồng hoa. Thân phụ tên Phạm Trọng-Khâm, thân mẫu tên Quách-thị Phùng. Vì ngài hói đầu, nên bạn hữu gọi đùa là Y-hói. Khi ngài lên bảy thì song thân cùng bị bạo bệnh qua đời. Ngài được người cậu đem về nuôi, cải tên là Quách-Y. Năm ngài mười tuổi lại đến lượt ông cậu qua đời. Ngài sống bơ vợ, ăn xin độ nhật ở Thăng-long. Sau cùng gặp sáu người đồng tuổi, đồng cảnh ngộ, kết thân với nhau làm nghề kéo lưới mướn,

rửa bát. Có lúc nghèo quá phải đi ăn mày, móc túi, ăn cắp vật để sống. Bấy ngài sau được vua Thánh-tông ban cho mỹ hiệu Tây-hồ thất kiệt.

Trong cuộc bình Chiêm năm 1069, ngài được vua Lý Thánh-tông cho tòng chinh, từng lập đại công trong các trận Nam-giới, Bối-chánh, Nhật-lệ, Thi-nại, Pandurango. Ca khúc khải hoàn, triều đình nghị công phong cho ngài tước bá, giữ chức đô-thống, chỉ huy hiệu Thiên-tử binh Bổng-thánh. Ý-Lan thân phi hỏi tiểu thư Phạm Phương-Tiên con quan Kinh-lược an-vũ sứ Thanh-hóa là Phạm Nhật-Chiêu cho ngài.

Năm 1075, Đại-Việt đem quân Bắc-phạt, ngài cùng phu nhân chỉ huy hiệu Thiên-tử binh Bổng-thánh, tiến đánh thành Khâm. Thành Khâm bị hạ, ngài được lệnh tiến về công thành Ung.

Sau khi chiến thắng trở về, triều đình nghị công tâu lên, Linh-Nhân hoàng thái hậu phong cho ngài chức Minh-uy đại tướng quân, tước Minh-Tâm hầu, phu nhân được phong nhất phẩm phu nhân.

Khi Quách Quỳ, Triệu Tiết, Tu Kỷ, Yên Đạt đem quân sang đánh Đại-Việt, ngài cùng phu nhân tử chiến ở phòng tuyến Như-nguyệt, rồi tuấn quốc. Sau khi hết giặc, triều đình nghị công phong ngài là *Minh-uy Lôi-trấn đại vương*, phu nhân được *phong Trang-Thanh quận chúa*.

Hồi đem quân bình Chiêm trở về, ngài có dừng quân ở núi Lôi-sơn, xã Hữu-biệt, huyện Nam-đàn, trấn Nghệ-an. Bấy giờ trong núi có bầy sói cực kỳ hung bạo, thường hay tràn về thôn xóm bắt bắt gia súc ăn thịt. Ngài dùng đại nỏ bắn mã-nã, hoàng thạch giết sạch bầy sói. Nên dân chúng lập đền thờ sống ngài. Sau khi ngài tuấn quốc, triều đình ban ruộng cho dân làng để tiếp tục hương khói.

Cho đến nay, gần nghìn năm trôi qua, đền thờ của ngài vẫn còn, dân chúng vẫn hương khói quanh năm.

Nhưng trong *Hoàng Việt nhất thống địa dư chí*, *Hoàn vũ ký*, *Đại-Nam nhất thống chí* thì chép giản dị rằng: Tương truyền đời Lý có tướng quân họ Phạm, không rõ tên, đem quân đi dẹp giặc, khi qua núi Hữu-biệt, huyện Nam-đàn, trấn Nghệ-an thành linh có tiếng sấm nổ, rồi ngài biến mất. Vua Lý cho lập đền thờ, gọi là đền Độc-lôi(!).

***Tài liệu ghi chép,***

***Việt-Nam,***

*Hoàng Việt nhất thống địa dư chí,*

*Hoàn vũ ký,*

*Đại-Nam nhất thống chí.*

***Trung-quốc,***

*a/*

*Xem Phạm-Dật ở trên.*

*b/*

*Xem Mai-Cầm ở trên.*

### 7.2.6. Ngô Úc (1053-1077)

Ngài là hậu duệ của Ngô-vương Quyền, thuộc giòng dõi Nam-Tấn vương Ngô Xương-Văn, thế hệ thứ 5 (*Quyền sinh Văn, Văn sinh Đức, Đức sinh Tuệ, Tuệ sinh Úc*). Phụ thân tên Ngô Vĩnh-Tuệ, quê ở xã Đường-lâm, huyện Phúc-thọ, thuộc thị-xã Sơn-tây. Thời vua Lý Thái-tông, ông nộp đơn dự thi tuyển võ tướng. Khai-Quốc vương đọc bản cung khai lý lịch, biết ông là cháu Ngô-vương, đặc cách cho ông khỏi thi. Sau khi huấn luyện, ông được phong chức đô-thống coi hiệu binh trấn ở Tiên-yên.

Tương truyền sau khi thắng quân Nam-Hán, Ngô-vương kéo quân về thăm cố-đô Cổ-loa, tu bổ cố-cung thời vua An-Dương, lại trồng một cây đa rồi tuyên chỉ rằng *Khi nào cây đa này chết, thì linh khí Cổ-loan mới hết*. (Cây đa này, nay là năm 1995 vẫn còn). Vì vậy một lần về Thăng-long hội quân, ông Đinh Vĩnh-Tuệ hành hương Cổ-loa, rồi qua đêm tại đây. Đêm đó ông mơ thấy vua An-Dương hội triều thần, có tứ trụ đại thần là Tế-tướng Phương-chính hầu Trần Tự-Minh, Đại-tư-mã Vạn-tín hầu Lý Thân, Đại-tư-đồ Cao-cảnh hầu Cao Nỗ, Đại-tư-không Trung-tín hầu Vũ Bảo-Trung đứng hầu. Ông hành lễ với đức vua. Đức vua chỉ một võ quan bảo:

- Ta thấy hung khí phương Bắc thịnh, thì thời gian con vua Bắc-đế đem quân Nam xâm đến nơi rồi. Vậy người hãy mau đầu thai để bảo vệ Viêm-bang.

Viên võ quan hỏi:

- Tàu bệ hạ, thần sẽ đầu thai vào cửa nào?

Vua An-Dương chỉ vào Vĩnh-Tuệ:

- Ta thấy Vĩnh-Tuệ là kẻ có lòng, vậy nhà người hãy đầu thai làm con y.

Thấy viên võ quan còn ngần ngừ, ngài dạy:

- Ta chỉ bắt người xuống thế có hai mươi lăm năm mà thôi. Đừng có ngại ngần.

Hôm sau Vĩnh-Tuệ rời Cổ-loa ra đến đầu làng thì gặp một thiếu nữ xinh đẹp hái hoa sen, chẳng may bị rắn cắn vào bụng. Không kể nguy hiểm, ông ghé miệng hút nọc độc cứu cô. Người con gái thoát nạn, chấp tay:

- Đa tạ tướng quân cứu mạng. Tên thiếp là Cao Tường-Vân. Tướng quân ơi! Tiểu nữ là con gái đồng trinh, thân thể chưa nhiễm bụi trần. Nay vì bị nạn, mà phải tòng quyền để tướng quân chạm vào khắp người, thì cái thân này thuộc về tướng quân vậy.

Vĩnh-Tuệ bèn cưới Tường-Vân làm vợ, năm sau sinh ra một trai, đặt tên là Ngô Vĩnh-Úc. Khi Vĩnh-Úc được một năm, thì Vĩnh-Tuệ đem quân đi bắt cướp, trúng tên chết. Tường-Vân đem con về ở Nghi-tàm, ngoại ô Thăng-long làm nghề trồng hoa sống qua ngày. Năm Vĩnh-Úc bảy tuổi, thì mẹ qua đời.

Không nơi nương tựa, ngài lang thang cùng sáu người bạn, (*sau là Tây-hồ thất kiệt*), sống vất vưởng ở Thăng-long. Khi thì kéo lưới mướn, khi thì rửa bát, có khi phải ăn cắp vặt, móc túi kiếm sống. Vì khi cưới miệng ngài hơi méo, nên bạn hữu gọi ngài là Úc-méo.

Rồi duyên may đưa đến, bấy ngài gặp Minh-Không thiền sư, Khai-Quốc vương, đợc thu làm đệ tử, lại đợc Ý-Lan phu nhân nhận làm em nuôi.

Năm 1069, vua Thánh-tông đem quân bình Chiêm, Tây-hồ thất kiệt đợc từng chinh, và đợc đặt dưới quyền Tín-Nghĩa vương Lý Chiêu-Văn. Sau chiến thắng Nam-giới, Bó-chánh, ngài lại tham dự trận Nhật-lệ. Trong trận này ngài là người duy nhất bị thương. Tiếp theo ngài dự trận Thi-nại, Pandurango. Chiến thắng trở về, triều đình nghị công, ngài đợc phong tước Bá, giữ chức Đô-thống, chỉ huy hiệu Thiên-tử binh Hùng-lược. Ý-Lan thần phi hỏi tiểu thư Quách Phương-Dược, con quan Lễ-bộ thượng thư Quách Sĩ-An cho ngài.

Trong những ngày cùng Long-biên ngũ hùng, Tây-hồ thất kiệt luyện quân, chính ngài là người chế ra loại tên lửa mang theo ống nửa trộn nhựa cháy, mã não, hoàng thạch để đốt thành địch. Đây là sáng kiến đầu tiên, rồi sau này Phạm Dật, Trần Ninh mới chế loại Lôi-tiền gây kinh hoàng cho quân Tống trong trận Côn-lôn, Đại-giáp, Ung-châu.

Trong cuộc Bắc chinh năm 1975, ngài cùng phu nhân đem hiệu Thiên-tử binh Hùng-lược tham dự trận đánh Khâm-châu, rồi tiến về đánh thành Ung.

Ca khúc khái-hoàn, triều đình nghị công tâu lên, Linh-Nhân hoàng thái hậu phong cho ngài chức Định-viễn đại tướng quân, tước Huệ-Tâm hầu. Phu nhân đợc phong Trang-Ninh quận chúa.

Khi Quách Quỳ, Triệu Tiết, Yên Đạt, Tu Kỷ đem quân đánh Đại-Việt. Ngài cùng phu nhân tử chiến ở Vạn-xuân, Kháo-túc, cả hai đều tuấn quốc. Hết giặc, triều đình nghị công, truy phong ngài là Định-viễn Lôi-thần đại vương, phu nhân đợc phong Trang-duệ, Ninh-tĩnh quận chúa; truyền phối thờ ở đền Kê-lạc cùng với tiên vương Ngô triều.

Trái bao lớp sóng phé hưng, nắng mưa, nay (1995) đền Kê-lạc vẫn còn tại xứ Kê-lạc, xã Nghĩa-chế, huyện Tiên-lữ, tỉnh Hưng-yên; nay là huyện Phù-tiên, tỉnh Hải-hưng.

***Tài liệu ghi chép***

***Việt-Nam,***

*Hưng-yên tỉnh nhất thống chí,*

*Bắc-kỳ giang-sơn cổ-tích danh thắng bị khảo,*

*Các tỉnh địa dư chí,*

*Đông-khánh địa dư chí lược.*

***Trung-quốc,***

*a/.*

*Xem Phạm-Dật ở trên.*

*b/.*

*Xem Mai-Cầm ở trên.*

### *7.2.7. Tạ Duy (1053-1077)*

Nguyên quán ngài tại An-lãng, thuộc Cửu-chân, trấn Thanh-hóa. Phụ thân tên Tạ Trọng-Nguyên, mẫu thân tên Lưu Huyền-Mẫn. Ông là một thầy đồ dạy học thuộc lộ Kinh-Bắc thời vua Lý Thái-tông. Ông bà sinh được hai con trai, con lớn tên Tạ Duy hay Tạ Độ-Đàm, con nhỏ tên Tạ Giang-Ba. Vì ông bà ngoại không có con, nên Tạ Giang-Ba mang họ ông ngoại, cải tên là Lưu Ba. Năm Tạ Duy tám tuổi, thì cha mẹ bị đắm thuyền chết hết. Hai anh em phải ở với người thím họ. Gặp bà thím ác độc đánh đập, hành hạ khổ sở, hai anh em bỏ nhà ra đi, và lạc nhau.

Tạ Duy lên Thăng-long, vô sở bất chí, gặp sáu người đồng cảnh ngộ, kết bạn với nhau, sau là Tây-hồ thất kiệt. Bảy người lang thang ở Thăng-long, khi thì kéo lưới mướn, khi thì rửa bát. Có khi túng thiếu quá, phải ăn cắp vặt, móc túi kiếm sống. Vì đáng người ngài hơi thấp, nên các bạn gọi là Duy-lùn.

Trong dịp bình Chiêm năm 1069, vua Thánh-tông cho Tây-hồ thất kiệt tòng chinh, đặt dưới quyền Tín-Nghĩa vương Lý Hoằng-Chân. Chiến thắng trở về, triều đình nghị công, ngài được phong tước bá, giữ chức Đô-thống chỉ huy hiệu Thiên-tử binh Vạn-tiếp. Ý-Lan thần phi hỏi tiểu thư Lý Phương-Quế, con gái đại đô đốc Lý Kế-Nguyên cho ngài.

Năm 1075, Đại-Việt đem quân Bắc-phạt, ngài cùng phu nhân chỉ huy hiệu Thiên-tử binh Vạn-tiếp đánh thành Khâm-châu, rồi tiến về công hãm Ung-châu. Ca khúc khải hoàn, triều đình nghị công tâu lên, Linh-Nhân hoàng thái hậu phong ngài chức Ninh-viễn đại tướng quân, tước Dũng-Tâm hầu, phu nhân được phong nhất phẩm phu nhân.

Khi Quách Quỳ, Triệu Tiết, Yên Đạt, Tu Kỷ mang quân sang đánh Đại-Việt, ngài cùng phu nhân tử thủ phòng tuyến sông Như-nguyệt, cả hai tuấn quốc. Hết giặc, triều đình truy phong ngài là Ninh-viễn Trung-chính đại vương, phu nhân được phong Trang-hòa Ninh-tĩnh quận chúa, truyền lập đền thờ.

Hiện nay đền thờ hai ngài vẫn còn tại xã Lưu-xá huyện Hưng-nhân, thuộc huyện Hưng-hà, tỉnh Thái-bình.

Hưng-yên tỉnh nhất thống chí ghi giản dị: Anh là Lưu Độ-Đàm, em là Lưu Ba có công đánh Tống, bình Chiêm, được phong chức Tiết-độ sứ. Sau khi mất được dân chúng lập đền thờ, mộ cũng chôn tại đấy. Trong đền thờ có tấm hoành phi sơn son thiếp vàng khắc bài thơ của vua Lê Hiển-Tông đề, nhắc công lao hai vị. Nhiều người lầm Lưu Độ-Đàm tức Ngô Úc với Lưu Khánh-Đàm sau này. Về Lưu Khánh-Đàm, Đại-Việt sử ký toàn thư, Lý kỷ, Nhân-tông bản kỷ chép rằng niên hiệu Thiên-phù Khánh-thọ, tháng 12 (DL 1228) vua Lý Nhân-tông sắp băng, tuyên triệu Thái-úy Lưu Khánh-Đàm vào cung để thác việc lập thái tử Dương-Hoán nối ngôi, lại cũng ghi Khánh-Đàm mất năm Thiên-chương Bảo-tự thứ tư (DL.1136).

***Tài liệu ghi chép.***

***Việt-Nam,***

*Hưng-yên tỉnh nhất thống chí,*

*Đại-Việt sử ký toàn thư ( Lý kỷ, Nhân-tông kỷ).*

***Trung-quốc***

*a/.*

*Xem Phạm-Dật ở trên.*

*b/.*

*Xem Mai-Cầm ở trên.*

Trên đây, tôi đã dẫn quý độc giả lướt sơ qua trang sử anh hùng thời Tiêu-sơn. Tôi xin ngừng ở đây, và mời quý độc giả đi vào hào quang của tổ tiên ta để lại, trong bộ *Nam-quốc sơn hà* này.

*Viết tại Pontault Combault, Pháp-quốc,  
mùa hè, tháng sáu, năm Ất-hợi (1995).*

*Yên-tử cư-sĩ Trần-Đại-Sỹ.*